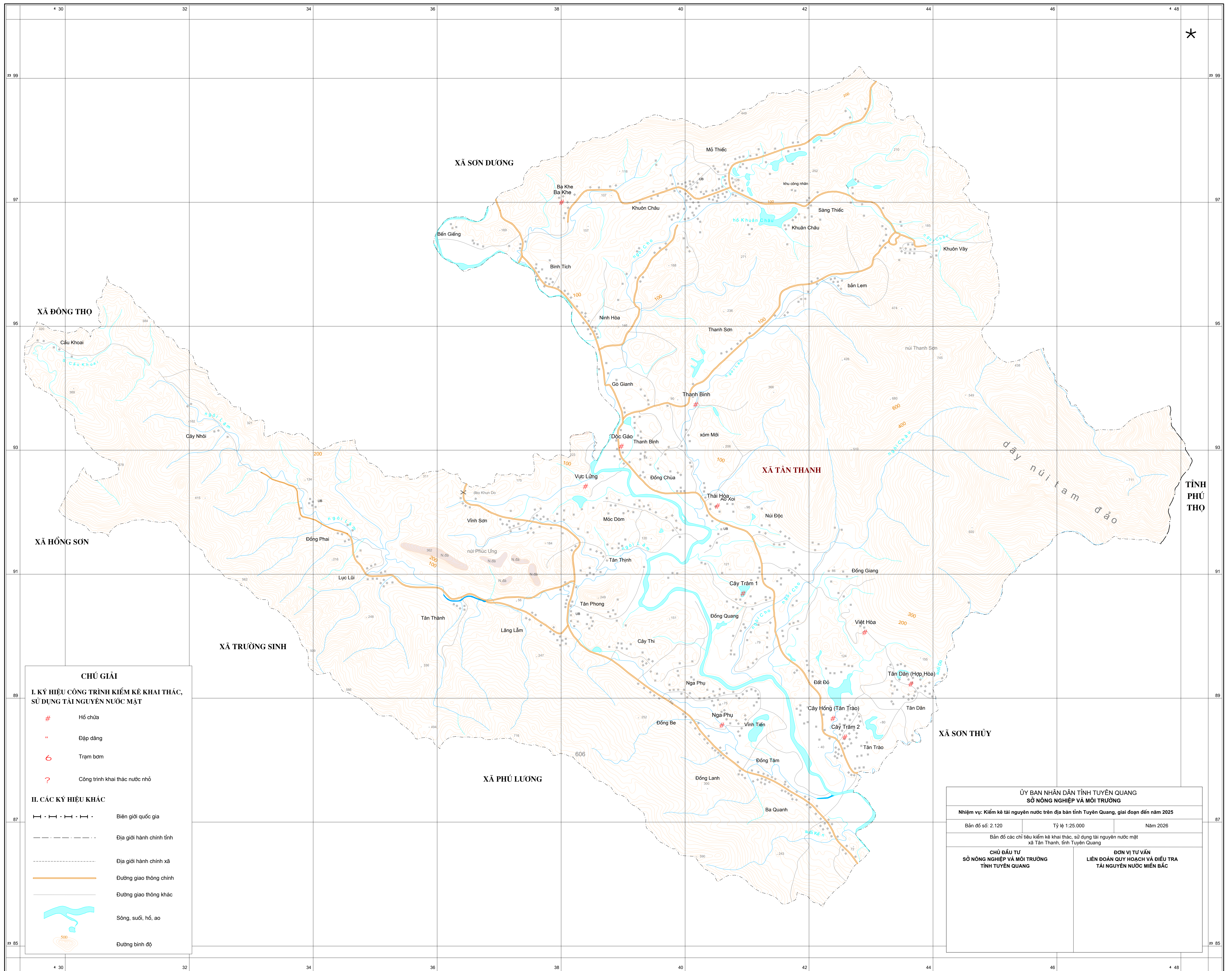


# BẢN ĐỒ CÁC CHỈ TIÊU KIỂM KÊ KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC MẶT XÃ TÂN THANH - TỈNH TUYÊN QUANG



**CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT ĐƯỢC KIỂM KÊ**

STT	Tên chủ hộ/công trình	Xã/Ph	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích (triệu m <sup>3</sup> )	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m <sup>3</sup> /ngày)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích KDDV và SX phi nông nghiệp (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
1	Thái Hòa	Tân Thành	Hố	Phụ lưu 3	Nông nghiệp	0.14	0.017	-	-	-
2	Việt Hòa	Tân Thành	Hố	Phụ lưu 3.1	Nông nghiệp	0.14	0.017	-	-	-
3	Ba Khe	Tân Thành	Hố	Phụ lưu số 68	Nông nghiệp	0.01	0.022	-	-	-
4	Cây Hồng (Tân Trào)	Tân Thành	Hố	Phụ lưu số 73	Nông nghiệp	0.21	0.026	-	-	-
5	Cây Trám 1	Tân Thành	Hố	Ngòi Lâm	Nông nghiệp	0.07	0.009	-	-	-
6	Cây Trám 2	Tân Thành	Hố	Suối Dò	Nông nghiệp	0.14	0.017	-	-	-
7	Độc Gáo	Tân Thành	Hố	Ngòi Cho	Nông nghiệp	0.02	0.019	-	-	-
8	Tân Dân (Hợp Hòa)	Tân Thành	Hố	Suối Dò	Nông nghiệp	0.33	0.041	-	-	-
9	Thanh Bình	Tân Thành	Hố	Ngòi Lem	Nông nghiệp	0.14	0.017	-	-	-
10	Nga Phụ	Tân Thành	Hố	Suối Đất (S. Cây Thi)	Nông nghiệp	0.13	0.015	-	-	-
11	Vực Lũng	Tân Thành	Hố	Phụ lưu số 74	Nông nghiệp	0.07	0.01	-	-	-